# **Mô tả chi tiết các Use case sử dụng chính**

#### **1. Use case ca sử dụng** chức năng Đăng ký

| Tên Use case | Đăng ký tài khoản |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng |
| Mô tả | Người dùng đăng ký tài khoản mới để sử dụng các chức năng của hệ thống. |
| Điều kiện trước | Người dùng chưa có tài khoản hoặc mong muốn tạo tài khoản mới. |
| Điều kiện sau | Người dùng đăng ký thành công tài khoản và có thể sử dụng các chức năng của hệ thống. |
| Luồng chính | - Người dùng truy cập giao diện chính của hệ thống.  - Người dùng chọn chức năng Đăng ký.  - Hệ thống hiển thị form đăng ký tài khoản.  - Người dùng nhập đầy đủ thông tin cần thiết như: Số điện thoại, mật khẩu v.v.  - Người dùng nhấn nút Đăng ký.  - Hệ thống kiểm tra thông tin.  - Nếu thông tin hợp lệ, hệ thống tạo tài khoản và thông báo đăng ký thành công. |
| Luồng phụ | Không có. |
| Luồng thay thế | - Thông tin đăng ký không hợp lệ.  - Hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu người dùng sửa lại thông tin để tiếp tục. |

#### **2. Use case ca sử dụng** chức năng **đăng nhập.**

| Tên Use case | Đăng nhập |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng (có thể là người quản trị hoặc người sử dụng) |
| Mô tả | Người dùng đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản đã đăng ký . |
| Điều kiện trước | Người dùng đã có tài khoản và nhớ thông tin đăng nhập (Số điện thoại, mật khẩu). |
| Điều kiện sau | Người dùng đăng nhập thành công và được chuyển đến giao diện chính của hệ thống. |
| Luồng chính | - Người dùng truy cập trang đăng nhập của hệ thống.  - Người dùng nhập tài khoản và mật khẩu.  - Người dùng nhấn nút "Đăng nhập".  - Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập của người dùng.  - Nếu thông tin hợp lệ, hệ thống chuyển người dùng đến giao diện chính. |
| Luồng phụ | - Người dùng nhập sai mật khẩu: Nếu mật khẩu nhập sai, hệ thống sẽ thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại. |
| Luồng thay thế | Không có. |

#### **3. Use case ca sử dụng** chức năng **Quản lý thông tin cá nhân**

| Tên Use case | Quản lý thông tin cá nhân |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng |
| Mô tả | Người dùng có thể xem, chỉnh sửa, và cập nhật thông tin cá nhân của mình . |
| Điều kiện trước | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống và đang ở trang cá nhân . |
| Điều kiện sau | Người dùng đã cập nhật thông tin cá nhân thành công. |
| Luồng chính | - Người dùng đăng nhập vào hệ thống và truy cập trang cá nhân.  - Hệ thống hiển thị thông tin cá nhân hiện tại của người dùng .  - Người dùng chỉnh sửa thông tin và nhấn nút "Cập nhật".  - Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin đã nhập.  - Nếu thông tin hợp lệ, hệ thống cập nhật thông tin và thông báo thành công. |
| Luồng phụ | - Nếu thông tin nhập vào không hợp lệ, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại thông tin. |
| Luồng thay thế | - Nếu người dùng quyết định không thay đổi thông tin, họ có thể chọn "Hủy bỏ" và quay lại trang trước đó mà không có thay đổi nào được lưu lại. |

#### **4. Use case ca sử dụng** chức năng **Đăng xuất**

| Tên Use case | Đăng xuất |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng |
| Mô tả | Người dùng có thể đăng xuất khỏi hệ thống . |
| Điều kiện trước | Người dùng đã đăng nhập vào trang web. |
| Điều kiện sau | Người dùng đã đăng xuất thành công và không còn quyền truy cập vào các chức năng của hệ thống mà không cần đăng nhập lại. |
| Luồng chính | - Người dùng chọn chức năng "Đăng xuất" từ trang cá nhân.  - Hệ thống xác nhận yêu cầu đăng xuất.  - Hệ thống xóa các phiên làm việc của người dùng và chuyển hướng về trang đăng nhập . |
| Luồng phụ | - Nếu người dùng chưa lưu các thay đổi trong phiên làm việc hiện tại, hệ thống sẽ yêu cầu người dùng lưu lại các thay đổi trước khi đăng xuất. |
| Luồng thay thế | - Nếu hệ thống gặp sự cố trong quá trình đăng xuất (ví dụ: kết nối mạng gián đoạn), hệ thống sẽ thông báo lỗi và yêu cầu người dùng thử lại sau. |

#### **5. Use case ca sử dụng** chức năng **Giỏ hàng**

| Tên Use case | Giỏ hàng |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng |
| Mô tả | Người dùng có thể thêm sản phẩm vào giỏ hàng, chỉnh sửa số lượng sản phẩm, xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng, và tiến hành thanh toán. |
| Điều kiện trước | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống và đã chọn các sản phẩm muốn mua. |
| Điều kiện sau | Người dùng đã hoàn tất các thao tác trong giỏ hàng, bao gồm việc thêm, sửa, xóa sản phẩm, và thực hiện thanh toán thành công. |
| Luồng chính | - Người dùng truy cập vào trang giỏ hàng từ menu hoặc biểu tượng giỏ hàng.  - Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm đã thêm vào giỏ hàng, kèm theo thông tin về số lượng, giá tiền, và tổng giá trị.  - Người dùng có thể thay đổi số lượng sản phẩm hoặc xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng.  - Người dùng nhấn nút "Thanh toán" để tiến hành thanh toán.  - Hệ thống hiển thị trang thanh toán, yêu cầu người dùng điền thông tin giao hàng và chọn phương thức thanh toán. |
| Luồng phụ | - Nếu giỏ hàng trống, hệ thống sẽ thông báo giỏ hàng hiện không có sản phẩm.  - Nếu có sản phẩm bị hết hàng, hệ thống sẽ thông báo và yêu cầu người dùng chọn sản phẩm khác. |
| Luồng thay thế | - Nếu người dùng chưa đăng nhập, hệ thống sẽ yêu cầu người dùng đăng nhập trước khi thực hiện thao tác truy cập giỏ hàng. |

#### **6. Use case ca sử dụng** chức năng **thanh toán**

| Tên Use case | Thanh toán giỏ hàng |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng |
| Mô tả | Người dùng thực hiện thanh toán tất cả các sản phẩm đang có trong giỏ hàng, chọn phương thức thanh toán và nhập thông tin giao hàng. |
| Điều kiện trước | Người dùng đã hoàn tất việc thêm sản phẩm vào giỏ hàng và sẵn sàng thanh toán. |
| Điều kiện sau | Người dùng hoàn tất thanh toán thành công và nhận được thông báo xác nhận thanh toán từ hệ thống. |
| Luồng chính | - Người dùng truy cập vào giỏ hàng và nhấn nút "Thanh toán".  - Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm trong giỏ hàng.  - Hệ thống tính tổng giá trị đơn hàng và hiển thị thông tin giao hàng (địa chỉ, số điện thoại, phương thức giao hàng).  - Người dùng chọn phương thức thanh toán (thẻ tín dụng, ví điện tử, thanh toán khi nhận hàng).  - Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin .  - Nếu tất cả thông tin hợp lệ, hệ thống xử lý thanh toán và hiển thị thông báo thanh toán thành công. |
| Luồng phụ | - Nếu thông tin giao hàng không hợp lệ, hệ thống yêu cầu người dùng chỉnh sửa lại thông tin.  - Nếu thanh toán không thành công hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu người dùng chọn phương thức thanh toán khác. |
| Luồng thay thế | - Nếu giỏ hàng trống (không có sản phẩm), hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu người dùng thêm sản phẩm vào giỏ hàng để tiến hành thanh toán.  - Nếu người dùng chưa đăng nhập, hệ thống yêu cầu đăng nhập trước khi tiếp tục thanh toán. |

#### **7. Use case ca sử dụng** chức năng **tìm kiếm sản phẩm**

| Tên Use case | Tìm kiếm sản phẩm |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng |
| Mô tả | Người dùng tìm kiếm sản phẩm trong hệ thống dựa trên từ khóa, danh mục hoặc các bộ lọc khác. |
| Điều kiện trước | Người dùng đã truy cập vào trang tìm kiếm hoặc trang danh mục sản phẩm. |
| Điều kiện sau | Người dùng nhận được danh sách các sản phẩm phù hợp với từ khóa tìm kiếm hoặc bộ lọc đã chọn. |
| Luồng chính | - Người dùng nhập từ khóa tìm kiếm vào ô tìm kiếm hoặc chọn các nút lọc có sẵn .  - Hệ thống xử lý yêu cầu tìm kiếm và hiển thị danh sách sản phẩm phù hợp với các tiêu chí tìm kiếm. |
| Luồng phụ | - Nếu không tìm thấy sản phẩm phù hợp, hệ thống hiển thị thông báo "Không có kết quả".  - Nếu người dùng không nhập gì vào ô tìm kiếm và nhấn nút tìm kiếm, hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm mặc định hoặc sản phẩm nổi bật. |
| Luồng thay thế | - Nếu có lỗi trong việc xử lý tìm kiếm, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng thử lại sau. |

#### **8. Use case ca sử dụng** chức năng **xem chi tiết sản phẩm**

| Tên Use case | Xem chi tiết sản phẩm |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng |
| Mô tả | Người dùng xem thông tin chi tiết của một sản phẩm, bao gồm hình ảnh, thông số kỹ thuật, khuyến mãi, quà tặng, sản phẩm tương tự, và các bình luận, đánh giá của người dùng khác. |
| Điều kiện trước | Người dùng click chọn vào sản phẩm muốn xem. |
| Điều kiện sau | Người dùng xem được tất cả thông tin chi tiết về sản phẩm và có thể thêm sản phẩm vào giỏ hàng . |
| Luồng chính | - Người dùng click chọn sản phẩm muốn xem chi tiết.  - Hệ thống hiển thị trang chi tiết sản phẩm, bao gồm:  + Hình ảnh sản phẩm  + Thông tin mô tả sản phẩm  + Thông số kỹ thuật  + Các chương trình khuyến mãi, quà tặng (nếu có)  + Sản phẩm tương tự  + Các bình luận, đánh giá của người dùng.  - Người dùng có thể thêm sản phẩm vào giỏ hàng. |
| Luồng phụ | - Nếu sản phẩm không có đủ thông tin hoặc hình ảnh, hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu quản trị viên bổ sung thông tin. |
| Luồng thay thế | - Nếu có lỗi trong việc tải thông tin chi tiết sản phẩm hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng thử lại sau. |

#### **9. Use case ca sử dụng** chức năng **đánh giá sản phẩm**

| Tên Use case | Đánh giá sản phẩm |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng |
| Mô tả | Người dùng có thể đánh giá sản phẩm tại trang chi tiết sản phẩm . |
| Điều kiện trước | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống và đang ở trang chi tiết sản phẩm. |
| Điều kiện sau | Người dùng đã đánh giá sản phẩm thành công và đánh giá của họ được lưu vào hệ thống. |
| Luồng chính | - Người dùng truy cập trang chi tiết sản phẩm.  - Người dùng cuộn xuống phần đánh giá sản phẩm và chọn số sao (từ 1 đến 5) để đánh giá.  - Người dùng nhấn nút "Gửi đánh giá".  - Nếu đánh giá hợp lệ, hệ thống lưu lại đánh giá và thông báo cho người dùng rằng đánh giá đã thành công. |
| Luồng phụ | - Nếu thông tin đánh giá không hợp lệ hệ thống sẽ thông báo lỗi và yêu cầu người dùng sửa lại. |
| Luồng thay thế | - Nếu có lỗi trong việc gửi đánh giá hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng thử lại sau. |

#### **10. Use case ca sử dụng** chức năng **xem tổng quan hệ thống**

| Thành phần | Mô tả |
| --- | --- |
| Tên Use case | Xem tổng quan hệ thống |
| Tác nhân | Quản trị viên (Admin) |
| Mô tả | Quản trị viên xem các thông tin, thống kê tổng quan của hệ thống, bao gồm doanh thu, trạng thái đơn hàng, tăng trưởng khách hàng, và các loại sản phẩm đã bán. |
| Điều kiện trước | - Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống.  - Quản trị viên có quyền truy cập Dashboard. |
| Điều kiện sau | Quản trị viên có thể xem các biểu đồ thống kê chi tiết trên giao diện Dashboard. |
| Luồng chính | - Quản trị viên đăng nhập vào hệ thống và truy cập Dashboard.  - Hệ thống hiển thị các đồ thị thống kê sau:  + Doanh thu năm 2024.  + Đơn hàng theo trạng thái.  + Tăng trưởng số lượng người dùng mới từng tháng.  + Sản phẩm đã bán theo loại.  - Quản trị viên xem và phân tích dữ liệu. |
| Luồng phụ | Không có. |
| Luồng thay thế | - Quản trị viên không có dữ liệu để hiển thị  - Hệ thống hiển thị thông báo phù hợp hoặc biểu đồ trống với dòng thông tin "Chưa có dữ liệu". |

#### **11. Use case ca sử dụng** chức năng **quản lý sản phẩm**

| Thành phần | Mô tả |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý sản phẩm |
| Tác nhân | Quản trị viên (Admin) |
| Mô tả | Chức năng cho phép quản trị viên thực hiện các thao tác quản lý danh sách sản phẩm trong hệ thống, bao gồm: tạo sản phẩm mới, tìm kiếm sản phẩm, xem chi tiết sản phẩm, chỉnh sửa, xóa, và tạo sản phẩm tương tự. |
| Điều kiện trước | - Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống.  - Quản trị viên có quyền truy cập vào module "Sản phẩm". |
| Điều kiện sau | - Danh sách sản phẩm được cập nhật chính xác trên giao diện và trong cơ sở dữ liệu. |
| Luồng chính | 1. Quản trị viên truy cập trang "Sản phẩm".  2. Hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm hiện tại trong cơ sở dữ liệu, gồm thông tin như: ID, tên sản phẩm, giá, ảnh mô tả và các thao tác quản lý.  3. Quản trị viên có thể thực hiện các hành động sau:  - Tìm kiếm sản phẩm: Nhập tên hoặc ID sản phẩm vào ô tìm kiếm, nhấn nút tìm kiếm.  - Tạo sản phẩm mới: Nhấn nút "Tạo SP mới" để chuyển đến form tạo sản phẩm mới.  - Xem chi tiết sản phẩm: Nhấn nút "Xem chi tiết", hệ thống hiển thị modal với thông tin chi tiết sản phẩm.  - Chỉnh sửa sản phẩm: Nhấn nút "Chỉnh sửa", hệ thống chuyển đến form chỉnh sửa sản phẩm.  - Xóa sản phẩm: Nhấn nút "Xóa", hệ thống hiển thị thông báo xác nhận trước khi xóa.  - Tạo sản phẩm tương tự: Nhấn nút "Tạo sản phẩm tương tự" để sao chép thông tin sản phẩm. |
| Luồng phụ | - Nếu không có sản phẩm nào khớp với điều kiện tìm kiếm, hệ thống hiển thị thông báo "Không tìm thấy sản phẩm nào". |
| Luồng thay thế | - Quản trị viên không thực hiện tìm kiếm, hệ thống hiển thị toàn bộ danh sách sản phẩm. |

#### **12. Use case ca sử dụng** chức năng **quản lý thương hiệu**

| Thành phần | Mô tả |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý tên thương hiệu |
| Tác nhân | Quản trị viên (Admin) |
| Mô tả | Chức năng cho phép quản trị viên thực hiện các thao tác quản lý danh sách thương hiệu trong hệ thống, bao gồm: thêm mới thương hiệu, xem danh sách thương hiệu, chỉnh sửa, và xóa thương hiệu. |
| Điều kiện trước | - Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống.  - Quản trị viên có quyền truy cập vào module "Thương hiệu". |
| Điều kiện sau | - Danh sách thương hiệu được cập nhật chính xác trên giao diện và trong cơ sở dữ liệu. |
| Luồng chính | 1. Quản trị viên truy cập trang "Danh sách thương hiệu".  2. Hệ thống hiển thị danh sách các thương hiệu hiện tại trong cơ sở dữ liệu, bao gồm: ID, tên thương hiệu, ảnh thương hiệu và các thao tác quản lý.  3. Quản trị viên có thể thực hiện các hành động sau:  - Thêm mới thương hiệu: Nhấn nút "Thêm mới thương hiệu", hệ thống chuyển đến form tạo thương hiệu mới.  - Chỉnh sửa thương hiệu: Nhấn nút "Chỉnh sửa", hệ thống chuyển đến form chỉnh sửa thương hiệu.  - Xóa thương hiệu: Nhấn nút "Xóa", hệ thống hiển thị modal xác nhận trước khi xóa thương hiệu.  - Xem danh sách thương hiệu: Giao diện hiển thị danh sách thương hiệu đầy đủ, hỗ trợ tìm kiếm bằng cách kéo thanh cuộn hoặc phân trang. |
| Luồng phụ | - Không có thương hiệu nào trong cơ sở dữ liệu: Hệ thống hiển thị thông báo "Chưa có thương hiệu nào “. |
| Luồng thay thế | Không có. |

#### **13. Use case ca sử dụng** chức năng **quản lý danh mục sản phẩm**

| Thành phần | Mô tả |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý danh mục sản phẩm |
| Tác nhân | Quản trị viên (Admin) |
| Mô tả | Chức năng cho phép quản trị viên thực hiện các thao tác quản lý danh mục sản phẩm trong hệ thống, bao gồm: thêm mới danh mục, chỉnh sửa, xóa danh mục, xem chi tiết, và xem danh sách danh mục. |
| Điều kiện trước | - Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống.  - Quản trị viên có quyền truy cập vào module "Danh mục sản phẩm". |
| Điều kiện sau | - Danh mục sản phẩm được cập nhật chính xác trên giao diện và trong cơ sở dữ liệu. |
| Luồng chính | 1. Quản trị viên truy cập trang "Danh sách danh mục".  2. Hệ thống hiển thị danh sách các danh mục hiện tại trong cơ sở dữ liệu, bao gồm: ID, tên danh mục, ảnh, và các thao tác quản lý.  3. Quản trị viên có thể thực hiện các hành động sau:  - Thêm mới danh mục: Nhấn nút "Tạo mới danh mục", hệ thống chuyển đến form tạo danh mục mới.  - Chỉnh sửa danh mục: Nhấn nút "Chỉnh sửa", hệ thống chuyển đến form chỉnh sửa danh mục.  - Xóa danh mục: Nhấn nút "Xóa", hệ thống hiển thị modal xác nhận trước khi xóa danh mục.  - Xem chi tiết danh mục: Nhấn nút "Xem chi tiết", hệ thống hiển thị modal với thông tin đầy đủ về danh mục .  - Xem danh sách danh mục: Giao diện hiển thị danh sách danh mục đầy đủ, hỗ trợ tìm kiếm bằng cách kéo thanh cuộn hoặc phân trang. |
| Luồng phụ | - Không có danh mục nào trong cơ sở dữ liệu: Hệ thống hiển thị thông báo "Chưa có danh mục nào được thêm". |
| Luồng thay thế | - Quản trị viên không thực hiện bất kỳ hành động nào, hệ thống vẫn hiển thị danh sách danh mục sẵn có. |

#### **14. Use case ca sử dụng** chức năng **quản lý banner**

| Thành phần | Mô tả |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý banner |
| Tác nhân | Quản trị viên (Admin) |
| Mô tả | Chức năng cho phép quản trị viên thực hiện các thao tác quản lý banner trong hệ thống, bao gồm: thêm mới banner, chỉnh sửa banner, xóa banner, xem chi tiết banner, và hiển thị danh sách banner hiện có. |
| Điều kiện trước | - Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống.  - Quản trị viên có quyền truy cập module "Quản lý banner". |
| Điều kiện sau | - Banner được cập nhật chính xác trong giao diện và cơ sở dữ liệu. |
| Luồng chính | 1. Quản trị viên truy cập trang "Danh sách banners".  2. Hệ thống hiển thị danh sách các banner hiện có, bao gồm: tiêu đề, ảnh, nội dung, và liên kết.  3. Quản trị viên có thể thực hiện các hành động sau:  - Thêm mới banner: Nhấn nút "Thêm Banner mới", hệ thống chuyển đến form tạo banner mới.  - Chỉnh sửa banner: Nhấn nút "Sửa", hệ thống chuyển đến form chỉnh sửa banner.  - Xóa banner: Nhấn nút "Xóa", hệ thống hiển thị modal xác nhận trước khi thực hiện hành động xóa.  - Xem chi tiết banner: Nhấn nút "Xem chi tiết", hệ thống hiển thị modal chứa thông tin chi tiết của banner: tiêu đề, nội dung, ảnh, và liên kết. |
| Luồng phụ | - Không có banner nào trong cơ sở dữ liệu: Hệ thống hiển thị thông báo "Không có banner nào". |
| Luồng thay thế | Không có |

#### **15. Use case ca sử dụng** chức năng **quản lý tin tức**

| Thành phần | Mô tả |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý tin tức |
| Tác nhân | Quản trị viên (Admin) |
| Mô tả | Chức năng cho phép quản trị viên thực hiện các thao tác quản lý tin tức trong hệ thống, bao gồm: thêm mới tin tức, chỉnh sửa tin tức, xóa tin tức, xem chi tiết tin tức, và hiển thị danh sách tin tức hiện có. |
| Điều kiện trước | - Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống.  - Quản trị viên có quyền truy cập module "Quản lý tin tức". |
| Điều kiện sau | - Tin tức được cập nhật chính xác trong giao diện và cơ sở dữ liệu. |
| Luồng chính | 1. Quản trị viên truy cập trang "Danh sách tin tức".  2. Hệ thống hiển thị danh sách các tin tức hiện có, bao gồm: ID, tiêu đề, ảnh minh họa và nút thao tác.  3. Quản trị viên có thể thực hiện các hành động sau:  - Thêm mới tin tức: Nhấn nút "Tạo tin tức mới", hệ thống chuyển đến form tạo tin tức mới.  - Chỉnh sửa tin tức: Nhấn nút "Chỉnh sửa", hệ thống chuyển đến form chỉnh sửa tin tức.  - Xóa tin tức: Nhấn nút "Xóa", hệ thống hiển thị modal xác nhận trước khi thực hiện hành động xóa.  - Xem chi tiết tin tức: Nhấn nút "Xem chi tiết", hệ thống chuyển đến trang chi tiết tin tức, hiển thị đầy đủ nội dung tin tức. |
| Luồng phụ | - Không có tin tức nào trong cơ sở dữ liệu: Hệ thống hiển thị thông báo "Không có tin tức nào". |
| Luồng thay thế | Không có. |

#### **16. Use case ca sử dụng** chức năng **quản lý thông báo**

| Thành phần | Mô tả |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý thông báo |
| Tác nhân | Quản trị viên (Admin) |
| Mô tả | Chức năng cho phép quản trị viên thực hiện các thao tác quản lý thông báo, bao gồm: thêm mới, chỉnh sửa, xóa, và hiển thị danh sách thông báo. |
| Điều kiện trước | - Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống.  - Quản trị viên có quyền truy cập module "Quản lý thông báo". |
| Điều kiện sau | - Thông báo được cập nhật chính xác trong giao diện và cơ sở dữ liệu. |
| Luồng chính | 1. Quản trị viên truy cập trang "Danh sách thông báo".  2. Hệ thống hiển thị danh sách các thông báo hiện có.  3. Quản trị viên có thể thực hiện các hành động sau:  - Thêm thông báo mới: Nhấn nút "Thêm thông báo mới", hệ thống chuyển đến form tạo thông báo.  - Sửa thông báo: Nhấn nút "Sửa", hệ thống chuyển đến form chỉnh sửa thông báo.  - Xóa thông báo: Nhấn nút "Xóa", hệ thống hiển thị modal xác nhận trước khi thực hiện hành động xóa. |
| Luồng phụ | - Không có thông báo nào trong cơ sở dữ liệu: Hệ thống hiển thị thông báo "Không có thông báo nào". |
| Luồng thay thế | Không có. |

#### **17. Use case ca sử dụng** chức năng **quản lý voucher**

| Thành phần | Mô tả |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý voucher |
| Tác nhân | Quản trị viên (Admin) |
| Mô tả | Chức năng cho phép quản trị viên thực hiện các thao tác quản lý voucher, bao gồm: thêm mới, chỉnh sửa, xóa, và hiển thị danh sách voucher. |
| Điều kiện trước | - Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống.  - Quản trị viên có quyền truy cập module "Quản lý voucher". |
| Điều kiện sau | - Voucher được cập nhật chính xác trong giao diện và cơ sở dữ liệu. |
| Luồng chính | 1. Quản trị viên truy cập trang "Danh sách voucher".  2. Hệ thống hiển thị danh sách các voucher hiện có.  3. Quản trị viên có thể thực hiện các hành động sau:  - Thêm voucher mới: Nhấn nút "Tạo voucher mới", hệ thống chuyển đến form tạo voucher mới.  - Sửa voucher: Nhấn nút "Sửa", hệ thống chuyển đến form chỉnh sửa voucher.  - Xóa voucher: Nhấn nút "Xóa", hệ thống hiển thị modal xác nhận trước khi thực hiện hành động xóa. |
| Luồng phụ | - Không có voucher nào trong cơ sở dữ liệu: Hệ thống hiển thị thông báo "Không có voucher nào". |
| Luồng thay thế | Không có. |

#### **18. Use case ca sử dụng** chức năng **quản lý đơn hàng**

| Thành phần | Mô tả |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý đơn hàng |
| Tác nhân | Quản trị viên (Admin) |
| Mô tả | Chức năng cho phép quản trị viên thực hiện các thao tác quản lý đơn hàng, bao gồm: xem danh sách đơn hàng, kiểm tra chi tiết, cập nhật trạng thái và thanh toán của đơn hàng. |
| Điều kiện trước | - Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống.  - Quản trị viên có quyền truy cập module "Quản lý đơn hàng". |
| Điều kiện sau | - Các thay đổi về trạng thái đơn hàng và thanh toán được cập nhật chính xác trong cơ sở dữ liệu và giao diện. |
| Luồng chính | 1. Quản trị viên truy cập trang "Danh sách đơn hàng".  2. Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng hiện có, bao gồm: mã đơn hàng, tên khách hàng, số điện thoại, địa chỉ, tổng tiền, trạng thái đơn hàng và trạng thái thanh toán.  3. Quản trị viên có thể thực hiện các hành động sau:  - Xem chi tiết đơn hàng: Nhấn nút "Chi tiết", hệ thống chuyển đến trang chi tiết đơn hàng. |
| Luồng phụ | - Không có đơn hàng nào trong cơ sở dữ liệu: Hệ thống hiển thị thông báo "Không có đơn hàng nào". |
| Luồng thay thế | Không có. |

#### **19. Use case ca sử dụng** chức năng **quản lý người dùng**

| Thành phần | Mô tả |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý người dùng |
| Tác nhân | Quản trị viên (Admin) |
| Mô tả | Chức năng cho phép quản trị viên thực hiện các thao tác quản lý người dùng, bao gồm: xem danh sách người dùng, thêm mới, chỉnh sửa thông tin người dùng và xóa người dùng. |
| Điều kiện trước | - Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống.  - Quản trị viên có quyền truy cập module "Quản lý người dùng". |
| Điều kiện sau | - Các thay đổi về thông tin người dùng được cập nhật chính xác trong cơ sở dữ liệu và giao diện. |
| Luồng chính | 1. Quản trị viên truy cập trang "Danh sách người dùng".  2. Hệ thống hiển thị danh sách người dùng hiện có, bao gồm: tên, email, số điện thoại, vai trò .  3. Quản trị viên có thể thực hiện các hành động sau:  - Xóa người dùng: Nhấn nút "Xóa", hệ thống hiển thị modal xác nhận trước khi thực hiện hành động xóa. |
| Luồng phụ | - Không có người dùng nào trong cơ sở dữ liệu: Hệ thống hiển thị thông báo "Không có người dùng nào". |
| Luồng thay thế | Không có. |